TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG TỈNH VĨNH LONG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2022/HSST
Ngày: 25/01/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tấn Thành

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thới

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Hoa

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Lê Thị Thùy Nương - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa***: Ông Võ Hoài Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2021/TLST-HS, ngày 10 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2022/QĐXXST-HS, ngày 13 tháng 01 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Cao Văn Đ, sinh năm 1964; tại Bến Tre; nơi cư trú số M, khu phố M, Phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Cao Văn Mừng và bà Nguyễn Thị Trực; bị cáo có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện đang tại ngoại (có mặt).

2. Huỳnh Văn B, sinh năm 1976; tại Vĩnh Long; nơi cư trú tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Huỳnh Văn Hòa và bà Thái Thị Tư; bị cáo có vợ và 01 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 21/11/2016, bị Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Vĩnh Long xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực Y tế; tạm giữ, tạm giam: Không. Bị cáo hiện tại ngoại (có mặt)

Người bào chữa cho bị cáo B: Luật sư, Trần Hồ N – Công ty Luật TNHH MTV Trần Nam và cộng sự, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 13 giờ 55 phút ngày 27/8/2020, ông Văn Công Minh T đến phòng nghiệp vụ thuộc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long để được tư vấn hướng dẫn đăng ký giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền cho Huỳnh Văn B. Hồ sơ ông T mang theo là các tài liệu phôtô công chứng, gồm: Một bằng Bác sỹ Y học cổ truyền, số hiệu: 029831 do Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/9/2016 và một chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số 0026509 do Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/07/2017, người được cấp là ông Huỳnh Văn B. Sau khi kiểm tra Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long phát hiện hai tài liệu trên không do cơ quan có thẩm quyền cấp, nên ngày 31/8/2020, Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long ban hành công văn số: 2490/SYT-NV đề nghị Phòng An ninh chính trị nội bộ Công an tỉnh Vĩnh Long xác minh làm rõ vụ việc theo quy định của pháp luật.

Ngày 01/10/2020, Phòng An ninh chính trị nội bộ Công an tỉnh Vĩnh Long tiến hành thu thập hai tài liệu bản chính (01 bằng Bác sỹ Y học cổ truyền, 01 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh mang tên Huỳnh Văn B) tại Thanh tra Sở Y tế tỉnh Bến Tre.

Kết quả điều tra xác định: Bị cáo Huỳnh Văn B có trình độ văn hóa 7/12, bị cáo hành nghề khám chữa bệnh bằng Y học cổ truyền từ năm 2015 đến 2020 tại địa chỉ cư trú; tại huyện M và huyện C, tỉnh Bến Tre nhưng không có giấy phép và giấy tờ có liên quan đến lĩnh vực Y học cổ truyền. Trong thời gian khám, chữa bệnh, bị cáo B nhiều lần bị các cơ quan chức năng kiểm tra và yêu cầu dừng hoạt động. Vào tháng 4/2018, khi khám chữa bệnh tại xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre, bị cáo quen biết với bị cáo Cao Văn Đ (thông qua việc khám bệnh cho vợ chồng bị cáo Đ), qua trao đổi Đ biết rõ bản thân B hành nghề không có giấy phép theo quy định. Vì muốn trả ơn cho bị cáo B đã chữa khỏi bệnh nên bị cáo Đ bàn bạc với bị cáo B là sẽ giúp làm các văn bằng, chứng chỉ có liên quan đến lĩnh vực Y tế để bị cáo B đối phó khi bị cơ quan chức năng kiểm tra. Bị cáo B đồng ý và cung cấp chứng minh nhân dân và chứng nhận bồi dưỡng kiến thức Đông y cho Đ, sau đó Đ dùng điện thoại chụp lại hình ảnh các tài liệu trên và ảnh chân dung của B rồi sử dụng mạng xã hội Facebook để tìm trang mạng làm các giấy tờ giả, khi tìm được trang mạng nhận làm (hiện nay bị cáo Đ không nhớ tên của tài khoản Facebook làm giả) Đ tìm hiểu và trao đổi cách thức làm qua tin nhắn Facebook. Do trước đó Đ có hỏi người quen có kiến thức trên lĩnh Y tế về trường hợp khám bệnh của B thì cần phải có bằng Bác sỹ Y học cổ truyền và chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh nên khi biết rõ về thủ tục làm từ

trang mạng thì Đ yêu cầu làm 01 bằng Bác sỹ Y học cổ truyền, 01 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh mang tên Huỳnh Văn B. Những thông tin về nhân thân, ảnh của B được Đ gửi cho tài khoản nhận làm qua tin nhắn Facebook, Đ được thông báo giá làm là 6.000.000đ đối với hai tài liệu trên. Tài khoản nhận làm hướng dẫn Đ khi nào làm xong sẽ gọi điện thoại hẹn địa điểm và thời gian để giao tài liệu giả, nhận tiền thanh toán, Đ đã cung cấp số điện thoại của mình là 0387333358 cho tài khoản nhận làm.

Khoảng một tháng sau, Đ nhận được điện thoại của người làm (hiện không nhớ số điện thoại đã gọi) yêu cầu mang số tiền 6.000.000đ đến bến xe thành phố B gần nhà xe Phương Trang để nhận văn bằng, chứng chỉ đã đặt làm. Tại đây Đ gặp một người đàn ông (không rõ họ tên và địa chỉ cụ thể) giao 02 tài liệu như Đ đã đặt làm. Sau khi xác định đúng với yêu cầu đã đặt trước đó thì Đ thanh toán tiền cho người đàn ông 6.000.000đ rồi mang tài liệu giả về nhà cất giữ. Sau đó, Đ gọi điện thoại và yêu cầu B đến nhà mình để đưa hai tài liệu gồm: 01 bằng Bác sỹ Y học cổ truyền số hiệu: 029831 do Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/9/2016; 01 (một) chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số 0026509 do Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/07/2017 người được cấp là Huỳnh Văn B.

Đến ngày 24/4/2019, bị cáo B nhờ người quen tên Nguyễn Văn M mang hai tài liệu giả đến UBND xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long để sao y 05 (Năm) bản theo từng loại tài liệu nhằm sử dụng để đối phó với cơ quan chức năng. Khi thực hiện được việc sao y thì ông M đã giao tất cả các bản chính và bản sao y lại cho bị cáo B cất giữ.

Đến ngày 27/8/2020, B nhờ ông Huỳnh Văn L (anh ruột bị cáo B) mang hai tài liệu đã sao y đến Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long để làm thủ tục đăng ký giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền (B dự định sẽ xin cấp giấy phép khám chữa bệnh tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long). Do không biết về thủ tục nên ông L nhờ ông Văn Công Minh T mang tài liệu bản sao y đến Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long để làm thủ tục đăng ký, qua kiểm tra thì Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long đã phát hiện như đã trình bày trên.

Ngày 08/9/2020, bị cáo B sử dụng 01 bản sao y chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh nộp ở Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện C, tỉnh Bến Tre để đăng ký giấy chứng nhận hộ kinh doanh trong lĩnh vực y tế số 55B80013834 cấp ngày 11/9/2020. Địa điểm hoạt động tại số 23N, ấp C, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre (do ông Võ Thanh T đứng tên chủ hộ).

Qua xác minh ngày 09/9/2020, B sử dụng hai tài liệu sao y mỗi loại một bản để xuất trình cho Đoàn kiểm tra của Phòng Y tế huyện C, tỉnh Bến Tre khi bị kiểm tra việc khám, chữa bệnh tại ấp Chợ, xã Thành Triệu, huyện C, tỉnh Bến Tre. Hai tài liệu được đoàn kiểm tra thu giữ và nội dung được ghi nhận trong

biên bản kiểm tra. Bị cáo B được Đoàn kiểm tra yêu cầu có mặt tại Sở Y tế tỉnh Bến tre vào ngày 14/9/2020 để làm việc.

Ngày 14/9/2020, tại Sở Y tế tỉnh Bến Tre bị cáo B có xuất trình hai tài liệu giả bản chính để chứng minh về trình độ chuyên môn và Sở Y tế tỉnh Bến Tre đã thu giữ hai tài liệu trên. Sở Y tế tỉnh Bến Tre trả lại hai tài liệu bản sao y đã giữ trước đó cho bị cáo B. Do sợ bị phát hiện việc sử dụng tài liệu giả nên bị cáo B đã đốt tất cả các bản sao y chứng thực và giấy chứng nhận hộ kinh doanh trong lĩnh vực y tế số 55B80013834 tại nhà của mình.

Kết quả xác minh tại trường Đại học Y dược TP. Hồ Chí Minh và Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long thì các cơ quan trên không có cấp bằng Đại học Y học cổ truyền và chứng chỉ hành nghề khám, chữa bệnh cho Huỳnh Văn B.

Căn cứ nội dung kết luận giám định số 131/KLGĐ - PC09, ngày 29/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long và kết quả điều tra có đủ căn cứ khẳng định bằng Bác sỹ Y học cổ truyền số hiệu 029831 và chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số 0026509 mang tên Huỳnh Văn B là giả.

Ngày 14/9/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long đã ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự: "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự. Đến ngày 08/10/2021, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Huỳnh Văn B về tội "Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức" theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Cơ quan Điều tra Công an thành phố Vĩnh Long có văn bản thông báo hành vi của Cao Văn Đ đến Cơ quan điều tra Công an thành phố B, tỉnh Bến Tre để giải quyết theo thẩm quyền. Đến ngày 18/11/2021 Cơ quan Điều tra Công an thành phố B có công văn số: 265, ngày 18/11/2021 trả lời về việc xác định thẩm quyền giải quyết đối với hành vi của Cao Văn Đ đến Cơ quan Điều tra Công an thành phố Vĩnh Long.

Ngày 19/11/2021, Cơ quan Điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị can đối với Cao Văn Đ về tội "Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức" theo khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Quá trình điều tra bị cáo Huỳnh Văn B và bị cáo Cao Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Đối với Võ Thanh T, kết quả điều tra xác định T không biết bị cáo B sử dụng tài liệu giả để đối phó với cơ quan chức năng, bản thân T không hưởng bất cứ lợi ích gì từ hoạt động khám, chữa bệnh của bị cáo B nên không xem xét xử lý.

Đối với các ông Huỳnh Văn L, ông Văn Công Minh T, ông Nguyễn Văn M và ông Nguyễn Thanh T đều không biết các tài liệu của bị cáo B sử dụng là

giả; các ông cũng không có hưởng lợi ích gì từ bị cáo B, nên không xem xét xử lý.

Đối với giấy chứng nhận hộ kinh doanh trong lĩnh vực y tế số 55B80013834 do Phòng tài chính - kế hoạch huyện C, tỉnh Bến Tre cấp cho bị cáo Huỳnh Văn B vào ngày 11/9/2020 thì Cơ quan điều tra đã ban hành văn bản gửi đến Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Bến Tre để thông báo về việc Huỳnh Văn B đã sử dụng tài liệu giả để làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận trên để có căn cứ xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với Facbook bị cáo Đ liên lạc để nhờ làm bằng giả qua xác minh không rõ địa chỉ, tên, tuổi, số điện thoại nên không xử lý được

Tại cáo trạng số: 92/CT-VKSND-TPVL, ngày 28/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã truy tố bị cáo Cao Văn Đ về tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại khoản 2 Điều 341 Bộ luật Hình sự và bị cáo Huỳnh Văn B về tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm,

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm và khẳng định nội dung cáo trạng truy tố các bị cáo Cao Văn Đ và Huỳnh Văn B là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Cao Văn Đ phạm tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*, bị cáo Huỳnh Văn B phạm tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*; áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đ mức án từ 01 (Một) năm đến 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù. Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo B mức án từ 09 (Chín) tháng đến 01 (Một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm. Về án phí: Buộc các bị cáo Đ, B mỗi bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm bằng 200.000đ.

Các bị cáo Cao Văn Đ, Huỳnh Văn B thừa nhận các lời khai trong quá trình điều tra là do các bị cáo tự khai và khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã nêu, thống nhất Kết luận giám định; thống nhất quan điểm luận tội của Kiểm sát viên; tại lời nói sau cùng các bị cáo đã thấy được lỗi của mình, hứa không tái phạm và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho các bị cáo được hưởng án treo để lo cuộc sống gia đình.

Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Văn B phát biểu quan điểm: Thừa nhận cáo trạng truy tố đối với bị cáo B là đúng người, đúng tội, nhưng xét thấy bị cáo sử dụng văn bằng, chứng nhận giả nhằm mục đích đối phó với cơ quan chức

năng để bị cáo hoạt động việc khám, chữa bệnh từ thiện cho bà con, đây là việc làm ý nghĩa của bị cáo. Xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự; trong quá trình giải quyết bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có cậu ruột là người có công với cách mạng. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo B hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm h, i, s, khoản 1 và 2 Điều 51, đề nghị cho bị cáo được phạt tiền mức từ 30.000.000đ đến 50.000.000đ cũng đủ răn đe bị cáo sau này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thành phố Vĩnh Long, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời trình bày và khai nhận tội của các bị cáo Cao Văn Đ, Huỳnh Văn B tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai giữa các bị cáo, người làm chứng, vật chứng; Kết luận giám định, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Như vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận, khoảng tháng 4 năm 2018 thông qua hoạt động khám chữa bệnh nên bị cáo B biết bị cáo Đ; qua trao đổi thì biết B không có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn trong việc khám, chữa bệnh nên Đ bàn bạc với B là sẽ giúp B làm các văn bằng, chứng chỉ giả có liên quan đến lĩnh vực Y tế để B đối phó các cơ quan chức năng khi kiểm tra; bị cáo B đồng ý nên cung cấp thông tin cho bị cáo Đ. Từ đó bị cáo Đ liên hệ đặt làm và giao cho bị cáo B 01 bằng Bác sỹ Y học cổ truyền số hiệu: 029831 do Đại học Y dược thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27/9/2016 và 01 chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số 0026509 do Sở Y tế tỉnh Vĩnh Long cấp ngày 10/07/2017 người được cấp là Huỳnh Văn B. Tại Kết luận giám định số: 131/KLGĐ-PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long và kết quả điều tra có đủ căn cứ khẳng định bằng Bác sỹ Y học cổ truyền số hiệu: 029831 và chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh số 0026509 đã cấp cho bị cáo Huỳnh Văn B là giả. Tuy nhiên, bị cáo B sử dụng bản sao văn bằng, chứng chỉ hành nghề này để xin cấp giấy chứng nhận hộ kinh doanh trong lĩnh

vực y tế số 55B80013834 do Phòng tài chính - kế hoạch huyện C, tỉnh Bến Tre cấp ngày 11/9/2020; trong thời gian này ngày 27/8/2020 bị cáo B nhờ người liên hệ Sở Y tế Vĩnh Long làm thủ tục đăng ký giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh tại ấp P, xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long thì bị phát hiện. Do đó hành vi của bị cáo Đ đã phạm vào tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"* quy định tại điểm c khoản 2 Điều 341 của Bộ luật Hình sự và bị cáo B đã phạm vào tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"* quy định tại khoản 1 Điều 341 của Bộ luật Hình sự mà cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long đã đề nghị truy tố đối với các bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo có tính chất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, bị cáo B là người trực tiếp thực hiện hành vi sử dụng tài liệu giả để xin cấp giấy phép hoạt động trong lĩnh vực Y tế và sử dụng tài liệu giả để đối phó với cơ quan chức năng; bị cáo Đ mặc dù không trực tiếp làm ra các tài liệu giả nhưng đã chủ động tìm kiếm những người làm tài liệu giả rồi giao cho bị cáo B sử dụng. Hành vi của các bị cáo còn gây mất trật tự trị an ở địa phương, gây hoang mang, bức xúc trong quần chúng nhân dân, bị xã hội lên án và pháp luật nghiêm cấm; các bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý, trực tiếp xâm phạm đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức trong lĩnh vực quản lý hành chính Nhà nước về con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác. Các bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, đã nhận thức được hành vi mà mình thực hiện là sai trái, vi phạm pháp luật, nhưng vì mục đích cá nhân nên đã thực hiện hành vi phạm tội. Đây nói lên sự xem thường pháp luật của các bị cáo, do đó cần phải xử phạt các bị cáo một mức án thật nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo thì mới có tác dụng răn đe, giáo dục cho các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Xét thấy mức hình phạt của đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật. Nhưng xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; có thái độ thành khẩn khai báo mà tỏ ra ăn năn hối cải; phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại; các bị cáo là lao động chính trong gia đình; bị cáo B phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, cậu ruột bị cáo B là người có công với cách mạng. Cho nên, có đủ cơ sở cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; còn bị cáo B được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cần giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt, đồng thời, cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định hình phạt dưới khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo Đ. Xét thấy các bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, bị cáo B sử dụng tài liệu

giả nhằm mục đích hoạt động từ thiện; còn bị cáo Đ làm giả tài liệu nhằm mục đích trả ơn cho bị cáo B đã chữa khỏi bệnh cho vợ chồng mình, không thu lợi bất cứ khoản tiền nào. Do đó, không cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo được hưởng án treo có thời gian thử thách cũng đủ răn đe và giáo dục cho các bị cáo sau này.

[5] Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo B là có cơ sở chấp nhận một phần.

[6] Về án phí: Buộc các bị cáo Cao Văn Đ, Huỳnh Văn B mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Cao Văn Đ phạm tội *"Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức"*.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 341; điểm h, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 54, Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Cao Văn Đ 01 (Một) năm tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 02 (Hai) năm tính từ ngày tuyên án (25/01/2022).

Giao bị cáo Cao Văn Đ cho Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố B, tỉnh Bến Tre để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn B phạm tội *"Sử dụng con dấu hoặc tài liệu giả của cơ quan, tổ chức"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 341; điểm h, i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn B 09 (Chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tính từ ngày tuyên án (25/01/2022).

Giao bị cáo Huỳnh Văn B cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long để giám sát và giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo B thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

3. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc các bị cáo Cao Văn Đ, Huỳnh Văn B mỗi bị cáo nộp 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Tấn Thành

Nơi gởi:
- Bị cáo; 02 bản
- Trại giam Công an TPVL; 01 bản
- Tòa án Tỉnh; 01 bản
- Viện kiểm sát ND tỉnh VL; 01 bản
- Công an thành phố Vĩnh Long; 01 bản
- Viện kiểm sát ND TPVL; 01 bản
- Chi cục Thi hành án DS TPVL; 01 bản
- Cơ quan THA HS Công an TPVL; 01 bản
- Sở Tư pháp Vĩnh Long; 01 bản
- Phòng hồ sơ nghiệp vụ Công an tỉnh VL; 01 bản
- UBND Phường 7, thành phố B, tỉnh Bến Tre; 01 bản
- UBND xã B, huyện M, tỉnh Vĩnh Long; 01 bản
- Lưu: Hồ sơ vụ án.